Mẫu số 01

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LANDMARK VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý I Năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Bắc Ninh

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí: Công ty TNHH Quốc Tế Landmark Việt Nam

Địa chỉ: : Lô CN 28-29 và CN 30.1 KCN Thuận Thành II, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

MST:	2	3	0	1	1	3	2	0	0	3			

Điện thoại:0816.887.699 Fax: Email: landmark.vn@brico.com.tw

Tài khoản số: 2567168888 Tại ngân hàng: BIDV-Chi nhánh Kinh Bắc

Loại hình, lĩnh vực sản xuất: Xử lý và tráng phủ kim loại, tráng men dụng cụ nhà bếp như xoong, nồi,...

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí :

1. Thông tin về dòng khí thải thứ 1: Ống thoát khí số 1 tại xưởng 1
2. Thông tin về dòng khí thải thứ 2: Ống thoát khí số 2 tại xưởng 1
3. Thông tin về dòng khí thải thứ 3: Ống thoát khí số 3 tại xưởng 1
4. Thông tin về dòng khí thải thứ 4: Ống thoát khí số 4 tại xưởng 1
5. Thông tin về dòng khí thải thứ 5: Ống thoát khí số 5 tại xưởng 1
6. Thông tin về dòng khí thải thứ 6: Ống thoát khí số 6 tại xưởng 1
7. Thông tin về dòng khí thải thứ 7: Ống thoát khí số 7 tại xưởng 1

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

1. Thông tin về dòng khí thải thứ 1: Ống thoát khí số 1 tại xưởng 1

1.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

1.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 30,000 (Nm^3/giờ)

1.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm^3)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	2.2	30

NO_x (gồm NO_2 và NO)	0.63	6
SO_x	0	0
CO	0	0

1.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

2. Thông tin về dòng khí thải thứ 2: Ống thoát khí số 2 tại xưởng 1

2.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

2.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 60,000 (Nm^3/giờ)

2.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm^3)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	2.0	121
NO_x (gồm NO_2 và NO)	0	0
SO_x	0.76	27
CO	0	0

2.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

3. Thông tin về dòng khí thải thứ 3: Ống thoát khí số 3 tại xưởng 1

3.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

3.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 60,000 (Nm^3/giờ)

3.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm^3)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	1.8	109
NO_x (gồm NO_2 và NO)	0.63	25
SO_x	0	0
CO	0.38	10

3.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

4. Thông tin về dòng khí thải thứ 4: Ống thoát khí số 4 tại xưởng 1

4.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

4.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 44,000 (Nm^3/giờ)

4.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm³)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	15.8	467
NO_x (gồm NO_2 và NO)	0	0
SO_x	0	0
CO	0	0

4.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

5. Thông tin về dòng khí thải thứ 5: Ống thoát khí số 5 tại xưởng 1

5.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

5.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 44,000 (Nm^3/giờ)

5.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm³)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	16.7	741
NO_x (gồm NO_2 và NO)	0	0
SO_x	0	0
CO	0	0

5.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

6. Thông tin về dòng khí thải thứ 6: Ống thoát khí số 6 tại xưởng 1

6.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

6.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 66,000 (Nm^3/giờ)

6.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm³)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	17.6	1,171
NO_x (gồm NO_2 và NO)	0	0
SO_x	0	0
CO	0	0

6.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

7. Thông tin về dòng khí thải thứ 7: Ống thoát khí số 7 tại xưởng 1

7.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 1,680 (giờ)

7.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm^3/giờ): 107,000 (Nm^3/giờ)

7.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	**Nồng độ** *(mg/Nm³)*	**Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C_1)**
Bụi	16.9	1,215
NO_x (gồm NO_2 và NO)	0	0
SO_x	0	0
CO	0	0

7.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải: Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \Sigma C_i$)*

C = C1 + C2 + C3 + C4 + C5 + C6 + C7

C = 36 + 148 + 144 + 467 + 741 + 1,171 + 1,215 = 3,922 đồng

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = 750,000 đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền *(đồng)*
1	Số phí phát sinh trong kỳ F= f/4 + C	753,922
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	0
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	0
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước (1 + 2 - 3)	753,922

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước *(Viết bằng chữ)*: Bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng.

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày .....
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2026
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

M.S.D.N: 2301132003 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LANDMARK VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
PAN, PI-WEI

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LANDMARK VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LANDMARK VIỆT NAM
DN: c=VN, st=BẮC NINH, l=Huyện Thuận Thành, cn=CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LANDMARK VIỆT NAM, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2301132003
Date: 2026.05.06 13:32:52 +07'00'